

Phụ lục V
MỨC HỖ TRỢ MUA PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ
CHỈNH HÌNH, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
CẦN THIẾT, VẬT PHẨM PHỤ VÀ VẬT DỤNG KHÁC
(Kèm theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP
ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Niên hạn cấp	Mức cấp
1	Tay giả tháo khớp vai	03 năm	3.757.000
2	Tay giả trên khuỷu	03 năm	4.097.000
3	Tay giả dưới khuỷu	03 năm	2.691.000
4	Chân tháo khớp hông	03 năm	7.127.000
5	Chân giả trên gối	02 năm	4.606.000
6	Nhóm chân giả tháo khớp gối	03 năm	5.260.000
7	Chân giả dưới gối có bao da đùi	02 năm	4.363.000
8	Chân giả dưới gối có dây đeo số 8	02 năm	4.121.000
9	Chân giả tháo khớp cổ chân	03 năm	2.739.000
10	Nhóm nẹp Ủ ngồi - Đai hông	03 năm	5.902.000
11	Nẹp đùi	03 năm	3.333.000
12	Nẹp cẳng chân	03 năm	1.976.000
13	Nhóm máng nhựa chân và tay	05 năm	4.060.000
14	Giày chỉnh hình	01 năm	1.590.000
15	Dép chỉnh hình	01 năm	1.030.000
16	Áo chỉnh hình	05 năm	3.650.000
17	Xe lắc tay	04 năm	5.515.000
18	Xe lăn tay	04 năm	3.030.000
19	Nạng cho người bị cứng khớp gối	01 năm	240.000
20	Máy trợ thính	01 năm	545.000
21	Răng giả	05 năm	1.345.000
22	Hàm giả	05 năm	5.393.000
23	Vật phẩm phụ:		
	Người được cấp chân giả	01 năm	242.000
	Người được cấp tay giả	01 năm	121.000
	Người được cấp nạng	01 năm	121.000

	Người được lắp mắt giả	01 năm	242.000
	Người được cấp áo chỉnh hình	01 năm	242.000
24	Bảo trì phương tiện đối với trường hợp được cấp tiền mua xe lăn, xe lắc	01 năm	424.000
25	Kính râm và gậy dò đường	01 năm	200.000
26	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt	01 năm	1.394.000